

Thứ ba, ngày 17 tháng 3 năm 2020

Vietnam Daily Review

NHNN cắt giảm lãi suất, thị trường nỗ lực đảo chiều

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 18/3/2020	●		
Tuần 16/3-20/3/2020	●		
Tháng 3/2020		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Mở đầu phiên giao dịch, VN-Index tiếp tục vận động theo chiều hướng tiêu cực sau khi đón nhận sự sụt giảm của các TTCK chủ chốt phiên hôm trước. Áp lực của VCB, VHM, VRE nhanh chóng kéo chỉ số lùi sâu xuống dưới mốc tham chiếu. Tuy vậy, trong gần như toàn bộ thời gian còn lại, VN-Index vận động có phần tích cực hơn và có lúc đã lấy lại được sắc xanh nhờ sự hồi phục của nhiều cổ phiếu trong nhóm VN30. Như đã đề cập trong báo cáo trước, tâm lý thị trường dường như được nâng đỡ phần nào bởi quyết định cắt giảm lãi suất điều hành của NHNN. Theo đó, NHNN giảm 50 điểm cơ bản với các lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất OMO và với mức trần lãi suất huy động của TCTD với khách hàng với kỳ hạn dưới 6 tháng. Theo thống kê của BSC, trong những lần cắt giảm lãi suất trước đây, thị trường có phản ứng tích cực ngay trong phiên thông báo, trong vòng 1 tháng và 6 tháng sau đó. Như vậy, nhà đầu tư có thể cân nhắc động thái hỗ trợ này của NHNN và có phân bổ tỉ trọng cổ phiếu hợp lý trong khoảng thời gian định giá thị trường còn ở mức thấp hiện tại.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Thanh khoản duy trì tại mức thấp, VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 17/03/2020, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ.

Danh mục i-Invest: Theme_Nước & Năng lượng_ 2.8%. 17/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất tốt hơn VNINDEX. Đặc biệt, danh mục **Nước & Năng lượng** - Danh mục đầu tư vào nhóm ngành hàng thiết yếu, có tăng trưởng ổn định và tính phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **2.8%**, con số này của VNINDEX là -0.3%

Báo cáo ngắn_SBV giảm lãi suất điều hành

Phân tích kỹ thuật: MSN_ Hỗ trợ vững chắc (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-2.08 điểm**, đóng cửa 745.78. HNX-Index **+1.10 điểm**, đóng cửa 100.72.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+1.19); PLX (+0.93); CTG (+0.58); TCB (+0.51); VCB (+0.43).**
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-3.72); VHM (-1.75); SAB (-1.54); VRE (-0.97); VNM (-0.49).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,082 tỷ đồng**, **-1.4%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 28.19 điểm. Thị trường có **211 mã tăng**, 60 mã tham chiếu và **154 mã giảm**.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **564.52 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm MSN (104.52 tỷ), VNM (66.95 tỷ) và HPG (51.94 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **12.35 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

745.78

Giá trị: 3082.1 tỷ

-2.08 (-0.28%)

Khối ngoại (ròng): -564.52 tỷ

HNX-INDEX

100.72

Giá trị: 497.24 tỷ

1.1 (1.1%)

Khối ngoại (ròng): -12.35 tỷ

UPCOM-INDEX

50.31

Giá trị: 0.26 tỷ

0.16 (0.32%)

Khối ngoại (ròng): -9.24 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	29.1	1.25%
Giá vàng	1,483	-2.08%
Tỷ giá USD/VND	23,247	0.09%
Tỷ giá EUR/VND	26,015	0.36%
Tỷ giá JPY/VND	21,782	-0.66%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	2.04%
LS TPCP 5 năm	2.0%	2.55%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	8.0	MSN	102.6
FPT	5.4	VNM	67.0
PHR	1.1	HPG	51.9
ITA	0.9	E1VFN30	48.1
TDM	0.8	VHM	45.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Báo cáo ngắn	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

- Bạn không có thời gian để đầu tư
- Bạn bán khoản với biến động thị trường
- Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

Sử dụng i-Invest tại đây

Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng

Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **17/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Nước & Năng lượng** - Danh mục đầu tư vào nhóm ngành hàng thiết yếu, có tăng trưởng ổn định và tính phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **2.8%**, con số này của VNINDEX là -0.3%

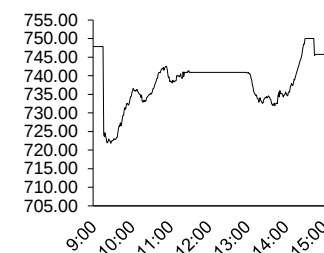
* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **9/9 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**

- **3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
 HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
 Vietnam Daily Review

17/3/2020

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Nước & Năng lượng_2.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Nước & Năng lượng	2.8%	-8.4%	-19.8%	-25.0%	-28.2%	-28.6%	9.2%	15.3%
Cổ phiếu hết room ngoại	2.5%	-11.5%	-19.0%	-18.3%	-20.7%	-13.1%	24.7%	18.0%
VN Diamond	2.2%	-13.0%	-20.4%	-17.1%	-19.5%	-11.9%	23.1%	17.9%
Xây dựng	2.1%	-12.4%	-19.8%	-23.0%	-32.7%	-39.6%	-28.6%	18.8%
VN FinSelect	1.7%	-13.3%	-20.7%	-11.7%	-12.8%	-16.4%	11.8%	18.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.7%	-14.3%	-22.1%	-11.7%	-12.3%	-15.6%	17.2%	20.2%
Ngân hàng	1.6%	-14.7%	-23.6%	-11.8%	-12.1%	-10.5%	42.0%	22.2%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.6%	-11.3%	-18.2%	-23.1%	-25.5%	-36.3%	4.6%	21.5%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.3%	-15.2%	-23.0%	-20.3%	-21.0%	-8.8%	49.3%	20.1%
Dầu khí	1.2%	-12.8%	-27.3%	-33.5%	-38.0%	-39.6%	-24.3%	23.6%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.0%	-7.6%	-13.9%	-15.7%	-13.4%	-15.4%	19.7%	15.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.0%	-9.7%	-18.4%	-19.9%	-22.6%	-22.3%	16.4%	15.3%
Lãi suất giảm	0.8%	-13.2%	-22.3%	-21.1%	-25.2%	-29.3%	7.6%	18.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.5%	-10.8%	-18.2%	-20.1%	-21.3%	-18.5%	24.9%	16.1%
BDS & Khu công nghiệp	0.4%	-11.3%	-18.7%	-23.4%	-26.1%	-26.9%	6.5%	16.6%
Ngành Dược	0.0%	-7.7%	-11.6%	-11.7%	-9.2%	-9.4%	18.2%	18.0%
Vật liệu Xây dựng	0.0%	-12.4%	-18.8%	-23.9%	-23.0%	-24.6%	-19.7%	19.3%
Hàng tiêu dùng	-0.5%	-13.6%	-19.8%	-24.7%	-31.1%	-29.0%	7.5%	18.4%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-1.6%	-9.9%	-18.6%	-23.7%	-25.5%	-27.9%	28.8%	14.3%
Chiến tranh thương mại	-1.6%	-13.4%	-20.3%	-25.6%	-30.3%	-29.2%	-21.4%	16.4%
FTSE Việt Nam	-2.1%	-9.0%	-17.2%	-22.5%	-22.9%	-25.4%	36.6%	15.3%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 2	2.2%	-11.7%	-21.2%	-24.1%	-24.5%	-18.9%	22.2%	18.8%
Danh mục 3	1.6%	-16.1%	-23.4%	-23.5%	-27.2%	-23.8%	19.9%	21.0%
Danh mục 8	1.6%	-13.4%	-22.0%	-25.4%	-26.5%	-18.1%	27.8%	18.5%
Danh mục 7	1.1%	-11.7%	-19.1%	-22.5%	-23.6%	-16.3%	24.2%	16.0%
Danh mục 9	0.1%	-14.7%	-24.1%	-24.1%	-24.0%	-27.1%	45.8%	20.2%
* Note	9/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Khẩu vị Rủi ro							
Danh mục 11	2.3%	-7.4%	-14.8%	-16.6%	-18.0%	-10.4%	27.0%	16.4%
Danh mục 10	0.8%	-9.6%	-16.9%	-19.4%	-20.2%	-11.5%	23.4%	16.0%
Danh mục 12	0.5%	-11.1%	-18.4%	-21.2%	-23.7%	-12.0%	55.2%	17.3%
* Note	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

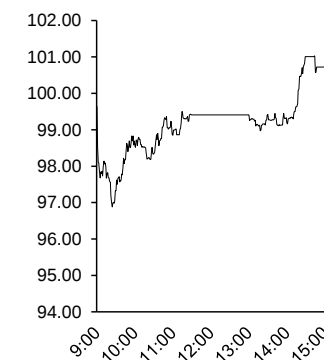
INDEX								
VNINDEX	-0.3%	-11.0%	-20.2%	-22.5%	-24.5%	-26.0%	4.1%	15.9%
VN30INDEX	0.2%	-11.4%	-19.2%	-20.3%	-22.7%	-25.1%	6.0%	16.4%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
 *Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dầu khí	6.0%
Dịch vụ tài chính	2.6%
Ô tô và phụ tùng	2.5%
Du lịch và Giải trí	1.9%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.8%
Hóa chất	1.7%
Ngân hàng	1.7%
Công nghệ Thông tin	1.5%
Bán lẻ	1.5%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.6%
Xây dựng và Vật liệu	0.6%
Tài nguyên Cơ bản	0.5%
Bảo hiểm	0.2%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.1%
Viễn thông	-0.4%
Y tế	-1.8%
Thực phẩm và đồ uống	-1.9%
Bất động sản	-2.9%
Truyền thông	-4.2%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

MSN_ Hỗ trợ vững chắc

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hội tụ.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, điều chỉnh ngắn hạn.

Nhận định: MSN đã xác định ngưỡng hỗ trợ khá vững tại ngưỡng giá 46.5. Thanh khoản cổ phiếu cũng đã vượt ngưỡng trung bình 20 phiên trong các phiên giao dịch gần nhất. Chỉ báo RSI đang ủng hộ xu hướng điều chỉnh trong khi chỉ báo MACD cho thấy xu hướng tích lũy. Đường giá cổ phiếu vẫn nằm dưới dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn chưa hình thành. MSN nhiều khả năng sẽ tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng giá 50 trước khi hình thành xu hướng hồi phục trong trung hạn. Nhà đầu tư trung và dài hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng giá 50, chốt lãi tại ngưỡng giá 62 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 46.5.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá	Link	TAR_Hồi phục từ đáy	Link
STB_Bứt phá	Link		
KSB_Mô hình hai đáy	Link		
TIG_Bứt phá	Link		

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 13/3/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 17/3	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	29.70	3.48%	-13.56%	-42.50%	-49.96%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	30.60	1.83%	-17.79%	-46.50%	-53.10%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	76.60	11.03%	-33.80%	-55.50%	-57.91%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1492.01	-1.44%	-9.53%	-5.80%	15.45%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	12.75	-1.25%	-24.53%	-28.10%	-15.66%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	829.75	0.97%	-5.31%	-8.40%	-13.55%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	499.50	0.30%	-4.36%	-8.30%	-1.33%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.36	0.12%	0.37%	-5.40%	3.81%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	162.90	0.68%	-0.18%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.09	-5.21%	-12.05%	-26.40%	-21.07%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	103.90	-2.67%	-4.85%	1.10%	-8.13%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5290.50	-3.10%	-4.42%	-8.60%	-17.66%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3547.00	-0.39%	2.42%	4.70%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1675.00	-0.33%	-0.71%	-4.20%	-12.78%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	661.50	-0.45%	1.30%	6.10%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	66.10	0.99%	2.40%	-6.20%	-23.98%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent giảm 3.8 USD tương đương 11.2% xuống 30.05 USD/thùng, thấp nhất kể từ tháng 1/2016, trong khi dầu WTI giảm 3.03 USD tương đương 9.6% xuống 28.7 USD/thùng, thấp nhất kể từ tháng 2/2016.
- Giá dầu giảm xuống dưới ngưỡng 30 USD/thùng do virus corona lây lan mạnh trên toàn cầu trở nên tồi tệ hơn vào cuối tuần qua, làm gia tăng mối lo ngại chính phủ sẽ đóng cửa để ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh, gây ra suy thoái kinh tế toàn cầu.
- Ngoài ra, giá dầu còn chịu áp lực giảm sau khi Saudi Aramco vẫn duy trì kế hoạch thúc đẩy sản lượng lên mức cao kỷ lục để gia tăng thị phần trên thị trường toàn cầu. Các nhà sản xuất dầu hàng đầu thế giới bao gồm Saudi Arabia và Nga bắt đầu cuộc chiến giá cả sau khi không đồng ý về kế hoạch kiểm chế nguồn cung, do kinh tế toàn cầu suy giảm khiến nhu cầu dầu giảm.
- Công ty cung cấp thông tin toàn cầu IHS Markit cho biết, nguồn cung từ Saudi Arabia và các nhà sản xuất khác có thể dẫn đến dư cung dầu thô lớn nhất trong lịch sử. Ước tính nguồn cung dầu dư thừa có thể lên tới 800 triệu đến 1.3 tỉ thùng – gấp đôi hoặc gấp ba so với mức dư cung dầu vào cuối năm 2015 và đầu năm 2016, khi Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) bơm thêm dầu để chống lại sự gia tăng của ngành công nghiệp đá phiến Mỹ.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 2.6% xuống 1,490.01 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4 giảm 2% xuống 1,486.5 USD/ounce. Giá vàng giảm hơn 2% do các nhà đầu tư quay lưng lại với vàng sau khi Mỹ cắt giảm lãi suất khẩn cấp lần thứ 2, đã không làm giảm mối lo ngại về đại dịch virus corona trên thị trường toàn cầu.

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 5 giảm 0.33 US cent xuống 12.26 US cent/lb do giá dầu thô sụt giảm. Đường trắng kỳ hạn tháng 5 mất 2.6 USD (-0.7%) xuống 359.2 USD/tấn.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 5 đóng cửa mất 3.2% xuống 1.08 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 5 giảm 22 USD xuống 1,249 USD/tấn.
- Tại Châu Á, giá cà phê Việt Nam tuần này giảm do gia tăng lo ngại về dịch Covid-19, trong khi giao dịch ở Indonesia cũng diễn ra chậm chạp bởi các thương gia chờ đợi nguồn cung vụ mới.

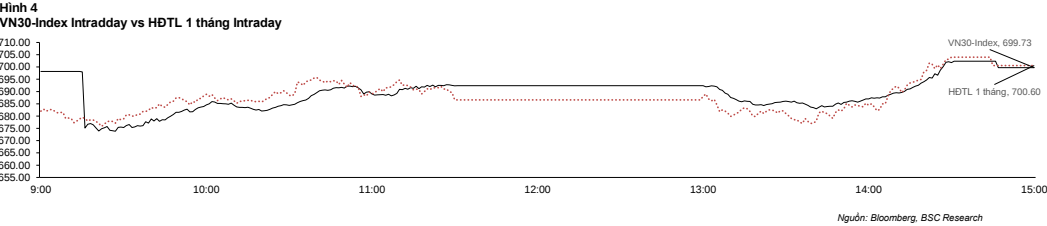
Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn TOCOM giảm 0.4 JPY xuống 161.8 JPY (1.5 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 15 CNY xuống 10,310 CNY (1,473 USD)/tấn.
- Giá cao su tại Tokyo giảm trở lại sau khi tăng trong đầu phiên giao dịch, khi những ngân hàng trung ương lớn nỗ lực giảm thiểu tác động kinh tế của đại dịch virus corona, đã không làm giảm bớt mối lo ngại của các nhà đầu tư.

Giá sắt thép

- Quặng sắt trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên kết thúc phiên tăng 0.5% và trên sàn Singapore tăng 0.1%; trên sàn Thượng Hải, giá thép cây tăng 1.2% lên 3,553 CNY (507.56 USD)/tấn, giá thép cuộn cán nóng tăng 0.6%.
- Giá thép tại Thượng Hải đạt mức cao nhất gần 2 tháng do nhu cầu hồi phục và các nhà hoạch định chính sách trên toàn cầu đưa ra các biện pháp kích thích, nhằm giảm thiểu tác động kinh tế của đại dịch virus corona.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2003	700.60	3.81%	0.87	16.2%	216,320	3/19/2020	4
VN30F2004	700.00	4.48%	0.27	157.7%	7,134	4/16/2020	32
VN30F2006	698.80	4.47%	-0.93	-53.5%	80	6/18/2020	95
VN30F2009	696.50	3.80%	-3.23	79.7%	106	9/17/2020	186

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng nhẹ 1.55 điểm lên mức 699.73 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, FPT, VJC, và STB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giảm mạnh trọng phiên ATO xuống gần 675 điểm, sau đó hồi phục tích cực trong phần lớn thời gian còn lại của phiên giao dịch. Thanh khoản duy trì tại mức thấp, VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo. Hỗ trợ gần nhất của VN30 quanh 690-700 điểm.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2003 và VN30F2006 đang giảm, trong khi VN30F2004 và VN30F2009 đang tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm kéo dài.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CREE1903	SSI	4/22/2020	36	1.1	30,360	113.8%	1.0 triệu	27.29%	7,600	530	112.00%	5.90	89.83
CREE1905	MBS	6/17/2020	92	3.1	54,370	144.9%	2.4 triệu	27.29%	2,150	560	30.23%	76.00	7.37
CTCB2002	SSI	5/14/2020	58	1.1	44,890	262.0%	3.0 triệu	28.64%	2,500	350	25.00%	39.70	8.82
CDPM2001	KIS	6/19/2020	94	2.1	126,120	-9.5%	2.0 triệu	31.33%	1,000	270	22.73%	41.40	6.52
CVPB2004	SSI	5/14/2020	58	1.1	260,100	60.1%	3.0 triệu	31.97%	4,100	950	21.79%	343.90	2.76
CREE2001	HSC	6/22/2020	97	5.1	269,050	2008.5%	5.0 triệu	27.29%	1,100	250	19.05%	48.30	5.18
CVPB2001	HSC	6/22/2020	97	2.1	110,360	-62.3%	5.0 triệu	31.97%	1,500	1,840	18.71%	1,202.70	1.53
CDPM2002	KIS	12/16/2020	274	1.1	34,220	240.5%	2.0 triệu	31.33%	1,700	1,450	13.28%	369.40	3.93
CHPG2003	MBS	5/4/2020	48	3.1	313,130	-21.3%	6.0 triệu	28.62%	1,570	300	11.11%	-	-
CSTB2002	KIS	12/16/2020	274	1.1	24,910	3135.1%	3.0 triệu	28.55%	1,700	1,840	8.24%	548.10	3.36
CMWG2004	SSI	6/15/2020	90	1.1	61,250	14.1%	1.0 triệu	28.32%	13,600	1,230	7.89%	82.50	14.91
CSTB2001	KIS	6/19/2020	94	1.1	351,530	107.6%	5.0 triệu	28.55%	1,500	1,070	7.00%	332.40	3.22
CHPG1909	KIS	5/15/2020	59	2.1	143,190	-43.8%	5.0 triệu	28.62%	1,800	210	5.00%	7.70	27.27
CMSN2001	KIS	12/16/2020	274	5.1	13,280	-41.0%	2.0 triệu	29.30%	2,300	1,290	3.20%	245.00	5.27
CFPT1908	MBS	6/17/2020	92	3.1	325,460	69.8%	2.4 triệu	25.84%	3,150	860	0.00%	295.40	2.91
CTCB1902	VND	6/5/2020	80	1.1	258,490	225.6%	2.0 triệu	28.64%	5,300	920	0.00%	180.00	5.11
CSBT2001	KIS	12/16/2020	274	1.1	20,000	33.3%	2.0 triệu	24.86%	2,900	1,560	-0.64%	141.00	11.06
CMWG2002	MBS	4/24/2020	38	10.1	255,990	197.7%	2.0 triệu	28.32%	1,950	230	-4.17%	8.80	26.14
CHPG1907	SSI	4/22/2020	36	1.1	89,000	21.1%	1.0 triệu	28.62%	4,200	570	-5.00%	166.30	3.43
CHPG2004	SSI	6/15/2020	90	1.1	28,020	-36.3%	5.0 triệu	28.62%	2,800	710	-5.33%	125.30	5.67
CVPB2002	VPBS	4/8/2020	22	2.1	50,660	-2.4%	2.0 triệu	31.97%	1,000	710	-43.65%	733.00	0.97
Tổng:					2,813,720		59.80 triệu	28.70%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 17/03/2020, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ.
- Về giá, CVIC2001 và CTCB2002 tăng mạnh lần lượt là 36.25% và 25.00%. Trái lại, CVPB2003 giảm mạnh -21.88%. Giá trị giao dịch giảm -0.67%. CMWG1907 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.94% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền CVPB2001 và CVPB2002, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2002 và CVPB2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2001 và CVPB2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhto@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	17.95	2.87	1.55
VPB	21.50	2.63	1.28
FPT	48.50	1.89	0.67
VJC	101.70	1.70	0.61
MWG	77.30	1.71	0.52

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	88.5	-4.32	-2.51
VHM	69.9	-2.65	-0.97
VRE	22.1	-6.75	-0.90
SAB	141.1	-5.93	-0.86
VNM	96.0	-1.03	-0.75

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CREE1903	7,278	34	29,900
CREE1905	39,124	32,977	29,900
CTCB2002	24,500	22,000	17,950
CDPM2001	16,567	14,567	11,600
CVPB2004	28,100	24,000	21,500
CREE2001	39,553	34,311	29,900
CVPB2001	23,000	20,000	21,500
CDPM2002	16,952	15,252	11,600
CHPG2003	26,810	22,100	19,200
CSTB2002	13,588	11,888	10,200
CMWG2004	24,100	10,500	77,300
CSTB2001	12,499	10,999	10,200
CHPG1909	28,280	24,680	19,200
CMSN2001	77,289	65,789	49,500
CFPT1908	63,450	54,000	48,500
CTCB1902	26,300	21,000	17,950
CSBT2001	24,011	21,111	15,100
CMWG2002	129,500	110,000	77,300
CHPG1907	25,200	21,000	19,200
CHPG2004	26,300	23,500	19,200
CVPB2002	22,300	20,300	21,500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

NHNN quyết định giảm đồng loạt lãi suất điều hành

Cuối ngày 16/03, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) ban hành một loạt quyết định điều chỉnh các mức lãi suất, có hiệu lực từ ngày 17 tháng 3 năm 2020. NHNN giảm lãi suất tái cấp vốn từ 6.0%/năm xuống 5.0%/năm, lãi suất tái chiết khấu từ 4.0%/năm xuống 3.5%/năm, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng từ 7.0%/năm xuống 6.0%/năm, lãi suất chào mua giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở từ 4.0%/năm xuống 3.5%/năm.

- Lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 0.8%/năm xuống 0.5%/năm, lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng giảm từ 5.0%/năm xuống 4.75%/năm.

- Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của TCTD giảm từ 6.0%/năm xuống 5.5%/năm.

- Lãi suất đối với tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND là 1.0%/năm, lãi suất đối với tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc bằng VND là 0%/năm; lãi suất đối với tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ là 0%/năm, lãi suất đối với tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ là 0.05%/năm.

Động thái giảm lãi suất điều hành của SBV đồng điệu với NHTW các nước khác trong khu vực và trên thế giới. Việc FED đã phải cắt giảm lãi suất điều hành khẩn cấp lần thứ hai trong tháng này báo hiệu triển vọng tiêu cực đối với tình hình vĩ mô tại Mỹ. Bên cạnh lãi suất điều hành, FED cũng triển khai nới lỏng định lượng (QE) 700 tỷ USD thông qua:

- Mua tín phiếu chính phủ cùng chứng khoán thế chấp bằng nhà cửa, giảm lãi suất tái chiết khấu 1.25%.

- Cho phép hoán đổi tiền tệ với năm ngân hàng trung ương (NHTW) của Canada, Anh, Nhật Bản, châu Âu và Thụy Sĩ.

Những động thái trên gợi nhớ những hoạt động FED và các NHTW chủ chốt thực hiện trong cuộc khủng hoảng mười năm trước. Hiện tượng này cũng báo hiệu triển vọng khả tiêu cực đối với thị trường tài chính thế giới. Các NHTW khu vực giảm lãi suất điều hành và tạo áp lực giảm lãi suất lên NHNN. Tuy vậy, việc NHNN chỉ giảm lãi suất điều hành chứ chưa cắt giảm lãi suất cơ bản cho thấy phương hướng điều hành chính sách thận trọng. Các thức hạ lãi suất như thế này là dễ hiểu khi lạm phát tiếp tục duy trì tại mức cao 5.91% (T2.2019). Trong trường hợp tình hình vĩ mô cũng như tài chính thế giới diễn biến tiêu cực hơn bởi COVID19, NHNN sẽ có các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ mạnh mẽ hơn.

Tác động của việc cắt giảm lãi suất lên các các ngành cổ phiếu giao dịch trên thị trường đã được BSC phân tích trong báo cáo **“Ảnh hưởng của QĐ 1870 lên KTVM và TTCK” (Trang 9)**. Nếu mặt bằng lãi suất giảm thì các ngành hưởng lợi sẽ là nhóm có cơ cấu nợ vay cao: (1) BĐS thương mại, (2) Dầu khí, (3) Phân bón, (4) điện, (5) thép...

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	77.3	1.7%	1.0	1,523	4.0	8,655	8.9	2.8	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	57.0	-0.5%	1.3	558	2.9	5,361	10.6	2.8	49.0%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	39.0	1.3%	1.4	1,259	0.4	1,632	23.9	1.5	29.3%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	28.5	-4.0%	0.6	286	0.0	2,623	10.9	1.0	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	88.5	-4.3%	0.9	13,015	2.7	2,268	39.0	3.9	14.6%	11.7%
VRE	Bất động sản	22.1	-6.8%	1.1	2,183	2.0	1,253	17.6	1.9	32.7%	10.3%
NVL	Bất động sản	51.5	-0.2%	0.8	2,171	0.7	3,552	14.5	2.2	6.3%	16.6%
REE	Bất động sản	29.9	6.6%	1.0	403	1.5	5,287	5.7	0.9	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	11.1	4.2%	1.5	251	0.7	2,850	3.9	0.8	43.2%	20.3%
SSI	Chứng khoán	14.2	6.8%	1.4	320	2.8	1,787	7.9	0.8	53.2%	9.9%
VCI	Chứng khoán	19.3	0.0%	1.0	138	0.1	4,218	4.6	0.8	35.2%	18.0%
HCM	Chứng khoán	14.1	6.8%	1.8	187	0.8	1,421	9.9	1.0	54.8%	11.7%
FPT	Công nghệ	48.5	1.9%	0.8	1,430	5.1	4,631	10.5	2.4	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	45.0	3.4%	0.4	487	0.0	4,812	9.4	2.4	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	59.8	0.8%	1.6	4,976	1.3	6,096	9.8	2.4	3.6%	25.5%
PLX	Dầu khí	39.4	6.9%	1.5	2,037	0.9	3,495	11.3	2.0	13.3%	19.6%
PVS	Dầu khí	11.1	2.8%	1.6	231	1.4	1,529	7.3	0.4	19.1%	6.2%
BSR	Dầu khí	7.0	1.4%	0.8	944	0.4	1,163	6.0	0.7	41.1%	11.0%
DHG	Dược	78.0	-4.9%	0.5	443	0.3	4,668	16.7	3.0	54.4%	18.8%
DPM	Hóa chất	11.6	5.0%	0.6	197	0.4	774	15.0	0.6	18.9%	4.7%
DCM	Hóa chất	5.6	1.3%	0.7	129	0.1	600	9.3	0.5	2.0%	5.2%
VCB	Ngân hàng	67.5	0.6%	1.2	10,885	3.9	5,004	13.5	2.9	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	33.8	3.0%	1.7	5,911	2.5	2,366	14.3	1.8	18.0%	13.3%
CTG	Ngân hàng	21.0	2.4%	1.3	3,400	6.9	2,541	8.3	1.0	29.7%	13.2%
VPB	Ngân hàng	21.5	2.6%	1.2	2,279	5.4	3,379	6.4	1.2	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	16.7	1.5%	1.1	1,751	6.6	3,476	4.8	1.0	23.6%	22.1%
ACB	Ngân hàng	21.1	1.0%	1.1	1,520	5.9	3,694	5.7	1.3	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	36.5	1.4%	0.9	130	0.3	5,165	7.1	1.2	79.3%	17.2%
NTP	Nhựa	27.2	0.7%	0.4	116	0.1	4,167	6.5	1.0	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	16.6	13.7%	0.8	714	0.5	732	22.7	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	19.2	0.5%	1.1	2,305	5.0	2,581	7.4	1.1	38.2%	17.0%
HSG	Thép	6.2	3.2%	1.7	114	0.5	1,161	5.3	0.5	18.1%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	96.0	-1.0%	0.6	7,268	7.4	5,478	17.5	6.1	58.8%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	141.1	-5.9%	0.8	3,934	0.2	7,477	18.9	4.8	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	49.5	0.0%	1.0	2,516	8.3	4,772	10.4	1.4	38.0%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	15.1	2.0%	0.7	385	1.8	508	29.8	1.3	6.9%	4.4%
ACV	Vận tải	53.9	10.0%	0.8	5,102	0.3	2,630	20.5	3.8	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	101.7	1.7%	1.1	2,316	1.9	7,889	12.9	3.5	19.3%	28.7%
HVN	Vận tải	21.2	2.9%	1.7	1,307	0.7	1,640	12.9	1.7	9.8%	12.8%
GMD	Vận tải	16.4	3.8%	1.0	212	0.3	1,595	10.3	0.8	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	8.9	-2.2%	0.9	109	0.6	2,421	3.7	0.6	31.1%	16.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	53.9	0.7%	1.2	375	0.9	8,824	6.1	2.5	2.4%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	16.3	2.5%	0.7	318	0.2	1,454	11.2	1.1	13.1%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	12.4	0.8%	0.8	206	0.0	1,953	6.3	0.9	6.5%	14.2%
CTD	Xây dựng	54.7	6.0%	1.2	181	0.4	8,858	6.2	0.5	46.7%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.8	-0.4%	0.7	476	0.2	1,567	15.8	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	19.8	0.0%	0.4	213	0.4	2,769	7.2	0.9	49.5%	12.9%
POW	Điện	8.9	-0.3%	0.6	901	1.2	1,064	8.3	0.8	12.7%	9.7%
NT2	Điện	17.0	0.9%	0.6	212	0.6	2,560	6.6	1.2	18.4%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	33.80	3.05	1.17	1.77MLN
PLX	39.35	6.93	0.96	535980.00
CTG	21.00	2.44	0.54	7.95MLN
TCB	17.95	2.87	0.51	3.11MLN
VCB	67.50	0.60	0.43	1.36MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-3.93	681330.00	1.11MLN
VHM	0.00	-1.85	1.10MLN	607060.00
SAB	-0.01	-1.66	25320.00	373600.00
VRE	-0.01	-1.08	2.07MLN	192700.00
VNM	0.00	-0.51	1.79MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

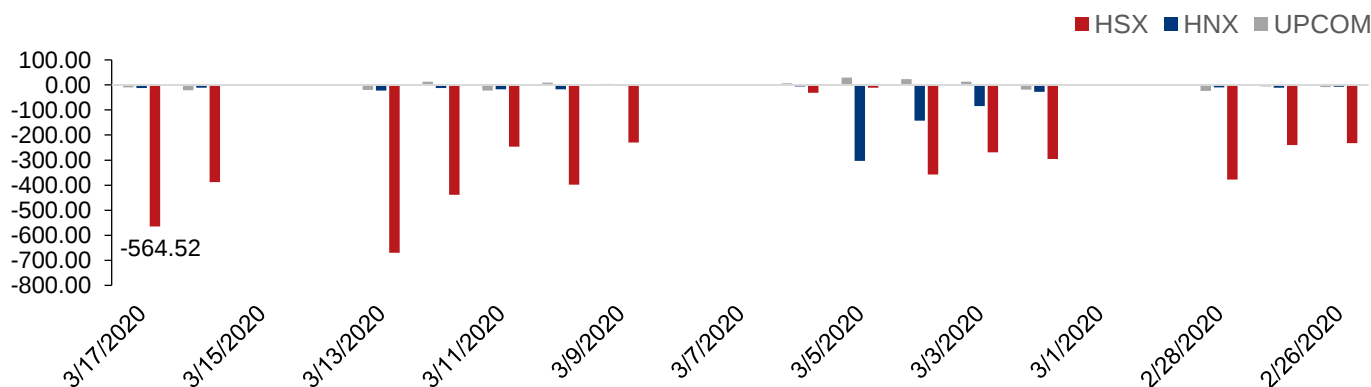
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TEG	3.21	7.00	0.00	2040.00
DQC	16.85	6.98	0.01	76490.00
CMV	13.80	6.98	0.00	20.00
VPS	10.60	6.96	0.01	110.00
D2D	49.20	6.96	0.02	200200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HID	2.79	-7.00	0.00	356070.00
YEG	65.10	-7.00	-0.05	14440.00
GSP	9.72	-6.99	-0.01	7820.00
PTL	3.20	-6.98	-0.01	3330.00
GDT	22.70	-6.97	-0.01	44820.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
3	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
7	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
8	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
15	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	96.0	5,478	17.5	6.1	Click
2	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	11.2	2,736	4.1	0.7	Click
3	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	77.3	8,655	8.9	2.8	Click
4	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	24.3	6,362	3.8	0.9	Click
5	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	48.5	4,631	10.5	2.4	Click
6	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	18.6	2,109	8.8	1.4	Click
7	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	20.7	3,897	5.3	0.9	Click
8	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	78.0	4,668	16.7	3.0	Click
9	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	22.6	4,313	5.2	1.1	Click
10	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	57.0	5,361	10.6	2.8	Click
11	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	8.9	2,421	3.7	0.6	Click
12	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	138.5	14,782	9.4	3.8	Click
13	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	9.3	0	26.5	0.3	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	77.3	8,655	8.9	2.8	Click
15	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	21.1	3,694	5.7	1.3	Click
16	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	11.2	2,736	4.1	0.7	Click
17	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	18.0	2,881	6.2	1.0	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	67.5	5,004	13.5	2.9	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	19.8	7,028	2.8	1.0	Click
20	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	48.5	4,631	10.5	2.4	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.

Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...

Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.

Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express STK 2020Q1	3/3/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 20400; Giá tại Publish 17800 BSC dự báo KQKD của STK với DTT và LNST đạt lần lượt 2,568.6 tỷ đồng(+15.2% YoY) và 248.4 tỷ đồng (+15.8% YoY) tương đương EPS fw là 3,513 VND/CP, PE fw là 5.1x và PB fw là 1.0x. Chúng tôi giả định (1) DTT sợi tái chế chiếm 50% trong cơ cấu doanh thu thuần (2) Kỳ vọng giá bán sợi bình quân phục hồi 2-5% do các nhà máy sợi của Trung Quốc phải đóng cửa vì dịch SAR-Covid-19 (3) BLNG cải thiện lên 16% nhờ tỉ trọng sợi tái chế tăng và chi phí nguyên vật liệu giảm.
VHC 2020Q1	21/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 35000; Giá tại Publish 34450 Năm 2020, BSC dự báo năm 2020 doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của VHC lần lượt đạt 8,645 tỷ (+9.9% YoY) và 956 tỷ (-18.9% YoY) (giảm lần lượt 23.0% và 38.4% doanh thu và lợi nhuận sau thuế so với dự phóng trước). EPS dự phóng 2020 đạt 5,197 VND/cp, tương đương với PE fw 2020 là 6.6. Ảnh hưởng bởi dịch bệnh nCoV khiến nhu cầu tiêu thụ tại thị trường Trung Quốc giảm. Các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu vào Mỹ trong trường hợp thuế POR 15 chính thức là 0% (POR15 sơ bộ đang là 0%).
DRC 2020Q1	20/2/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 28780; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND, P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.
Express AAA 2020Q1	18/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 15000; Giá tại Publish 12350 BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của AAA đạt 9,856 tỷ (+6.7% YoY) với giả định sản lượng bao bì tiêu thụ 100,077 tấn (+5.1% YoY), tỷ lệ khai thác KCN đạt 100%. Biên LNG tăng từ 11.3% lên 11.7%, LNST dành cho cổ đông công ty mẹ đạt 511 tỷ (+9.1% YoY), tương đương EPS = 2,686 đồng/CP (giả định trích quỹ KTPL 10%), P/E fw = 4.6 lần (nếu loại trừ LN ước tính từ BDS thì P/E với mảng nhựa là 7.9 lần).
Express GTN 2020Q1	15/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu; Giá tại Publish DT và LN TT hợp nhất năm 2020 dự kiến đạt 2,909 tỷ (-2.1%) và 159 tỷ (tăng 16 lần so với 2019). Ảnh hưởng của nCoV: + Đối với VNM: xuất khẩu vào Trung Quốc vẫn chưa ảnh hưởng do xuất khẩu chính ngạch bằng đường thủy (cảng chưa bị cấm). Đồng thời, có dịch thì người dân Trung Quốc dự kiến tăng tiêu thụ các sản phẩm dinh dưỡng, tăng sức đề kháng. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi kênh trường học do học sinh nghỉ kéo dài. Đối với việc đảo lộn về sản xuất, VNM chỉ có tồn kho 1 tháng nên có thể thay đổi sản lượng sản xuất nhanh.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn